

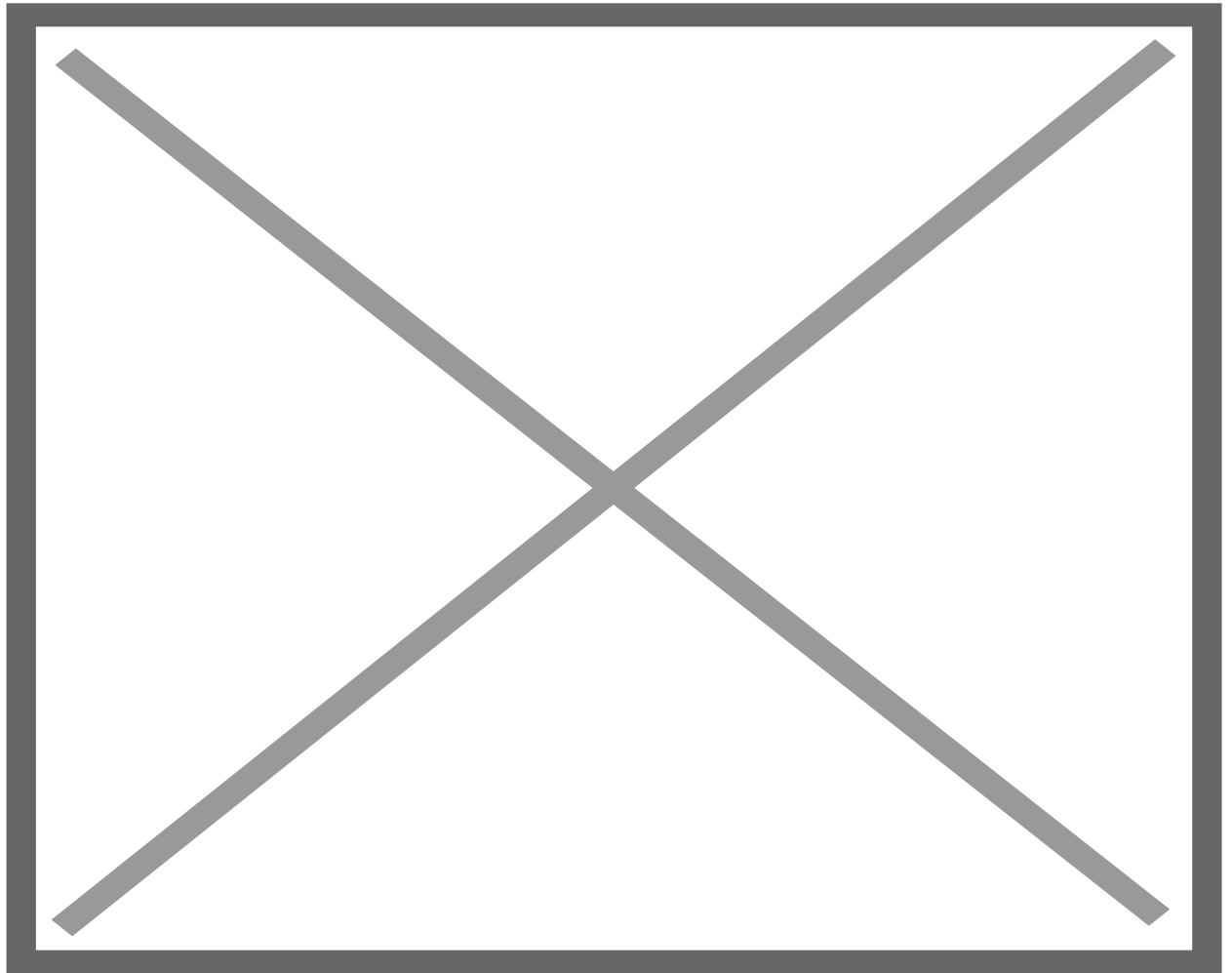
Ý nghĩa Phật giáo qua sự tích “Tứ Pháp chùa Dâu” (kỳ 2)

ISSN: 2734-9195 19:21 17/08/2020

2. Ý nghĩa nội dung cốt truyện:

Nếu trùng trùng các ngôn tự Phật giáo như vậy thì có đúng chuyện Man Nương chùa Dâu là truyền thuyết nôm na kiểu dân gian về các thần tự nhiên được Phật giáo thu nạp hay không? Chắc chắn là không. Phật giáo lan tỏa ra vô số vùng miền và có chấp nhận một số thần thánh địa phương làm hộ pháp, (họ cũng như các phật tử ở cảnh giới thần thánh nhưng quy y giúp đỡ Phật như các vua chúa, người thế lực bảo trợ Phật giáo). Nhưng giáo lý Phật thì ở đâu cũng không thay đổi.

Câu chuyện Man Nương cũng vậy, quanh quẩn cũng là người Thầy giúp đệ tử nhận ra cái tâm và người đệ tử đó tu hành để "Minh Tâm Kiến Tính" trở nên dần toàn thiện và thành Bồ tát Phật rồi cứu giúp chúng sinh thoát khổ tương đối và tuyệt đối, giúp chúng sinh cũng đạt giác ngộ hoặc thỏa mãn nhưng mong cầu thế tục để bớt khổ, dễ tu như cầu tài, cầu mưa, cầu mát, cầu con cái, sức khỏe,....



- Khâu Đà La cao tăng sang Việt Nam truyền pháp, rồi bước qua người Man Nương: đây là cách truyền pháp kiểu lạ lùng chỉ có thầy và trò biết, giống Tâm truyền Tâm của Thiền Tông, rồi có thể đánh đập... một số cũng có ẩn dụ trong hoạt thử thách... thậm chí câu chuyện mang tính dục như ở các chuyện Mật tông Ấn Độ (dĩ nhiên các hoạt động thực sự là thanh tịnh vô nhiễm) nhưng suy cho cùng đó là pháp khó hiểu mà chỉ thầy và trò biết, nói dễ hiểu sẽ giống chuyện Tổ Tu Bồ Đề đánh vào Tôn Ngộ Không ba cái rồi khoát tay bỏ đi, Tôn hiểu rằng canh ba đến phòng thầy.

- Man Nương tự động mang thai: ám chỉ sau khi thụ pháp thì âm thầm tu hành, thai nhi trong bụng cũng như Chứng Tử giác ngộ được gieo trồng dần dần tăng trưởng rồi hiển lộ... (Thiền Định Tự - Chùa Dâu)

- Man Nương sinh con rồi đem trả Thầy: đây là lúc hành giả đạt Chứng Ngộ và đem trình lên Thầy ấn chứng, đây là điều bắt buộc với các Thiền sư, người tu phải được ấn chứng mới có thể biết được mình đạt Đạo hay chưa (Thành Đạo Tự - chùa Đậu). Đứa con thứ chung nhau giữa 2 người chính là ẩn dụ của cái Tâm thứ mà kẻ đắc đạo sẽ giống hệt với tâm của Thầy mình, nếu tất cả chúng ta có cái gì giống nhau thực sự thì đó chính là đều có cái Tâm.

- Khâu Đà La đem đứa con bỏ vào cây Dung Thụ: chỉ cho biết tâm không chỉ ở trong người mà còn tất cả vạn pháp cũng do tâm tạo, các pháp như cây cỏ... vốn toàn là Tính Không (Phi Tướng tự - chùa Tướng)
- Khi thấy vạn pháp do tâm tạo thì sẽ tự tại, biến hóa vô lượng (Ngộ Không, ngộ ra Tính không thì có thần thông quảng đại), có Trí Huệ thì có thể làm được vô số điều mà người đời gọi là thần diệu, chuyện làm mưa, gió... cũng chỉ là một phần trong số đó. (Trí Quả Tự - chùa Dàn).
- Hình ảnh cây Dung Thụ đổ: cũng là lúc đạt trí tuệ thì gốc rễ vô minh, tham sân si bị đánh bật, gốc rễ luân hồi bị đánh bật ...
- Cây Dung Thụ ban đầu chỉ là cây bình thường, sau mang em bé của Khâu Đà La mới tạc thành tượng Tứ Pháp linh thiêng và Thạch Quang Phật cũng không rời Tứ Pháp cho thấy đạo lý: tất cả do Tâm tạo, linh thiêng hay không linh thiêng vốn do Tâm (đá Thạch Quang) tạo nên, các vị chủ quản Mây Mưa Sấm Sét cũng do Tâm tạo nên, tin là thiêng thì thiêng.
- Hình ảnh Đá Thạch Quang Vương Phật không rời Tứ Pháp mà cụ thể là Pháp Vân chính là hình ảnh Bồ tát có thể hóa hiện vô số thân tướng khác nhau ở khắp pháp giới nhưng không rời tự tính Tâm, mà cụ thể ở đây là an trụ trong tự tính Tâm rồi biến hóa ra vị Pháp Vân có quyền ban mưa, gió mà dân cứ ngỡ thần để làm lợi ích cho cư dân nông nghiệp bản địa, tùy duyên hóa hiện.
- Câu chuyện nói về sự tiến tu của một chúng sinh đại diện cho tất cả các chúng sinh, lúc đầu còn ngu si vô minh (Man Nương) có cơ duyên gặp được đạo sư chỉ dạy, truyền cho pháp môn tương ứng, rồi tu tập, rồi đem sở đắc cho thầy ấn chứng, rồi tiếp tục tiến tu đến hàng Bồ tát Thập Địa (Pháp Vân), tùy duyên độ sinh cõi trần hóa hiện ra Tứ Pháp làm thay cả chuyện của Thần mây mưa... để tạo phúc cho chúng sinh nào mong cầu.

3. Tứ Pháp và Tứ Vô Lượng Tâm

Tứ Pháp chùa Dâu vốn được cho là có quyền năng tạo ra mây mưa, sấm sét cho dân được mùa no đủ, điều này có phải giống với thần dân gian không? Thực tế trong Phật giáo cũng có các vị tu hành có nhiều công đức trí tuệ, hạnh nguyện sâu xa có thể hóa ra các vị thỏa mãn sự mong cầu cho chúng sinh, các vị đó gọi là các vị Bồ tát, họ có thể cho chúng sinh nương tựa cầu tai quan nạn khỏi, hết bệnh, cầu tiền, cầu con, cầu mưa, cầu tạnh...

Nhưng họ vẫn khác thần thánh thế tục ở chỗ họ làm các phương tiện thỏa mãn cho chúng sinh để chúng sinh nhất thời thoát lo âu để nếu đủ duyên sẽ dễ tiến tu đạo quả, cũng không vì khổ mà tạo nhiều điều ác.

Hai vị được thờ cúng rộng rãi và chính yếu để cầu mưa của tứ Pháp là Pháp Vân, Pháp Vũ như đã nói là trùng tên với địa thứ 10 của hàng Bồ tát.

Ngoài ra hình ảnh Tứ Pháp còn tương ứng với một chủ đề quan trọng trong Phật giáo Đại thừa đó chính là Tứ Vô lượng Tâm: Đại Từ, Đại Bi, Đại hỷ, Đại Xả.

- Từ, Đại Từ: Mong muốn chúng sinh được sung sướng, như đám mây che mát tất cả chúng sinh, che chở khỏi khổ đau - Đám mây Pháp Vân.

- Bi, Đại Bi: Lòng thương xót chúng sinh, muốn chúng sinh thoát khỏi cảnh khổ, được đại biểu bằng mưa, giống như giọt nước mắt - Pháp Vũ, điều này tương đồng trong tín ngưỡng Việt về thoải phủ, các vị thánh thuộc Nước thường có truyện tích buồn dễ khóc.

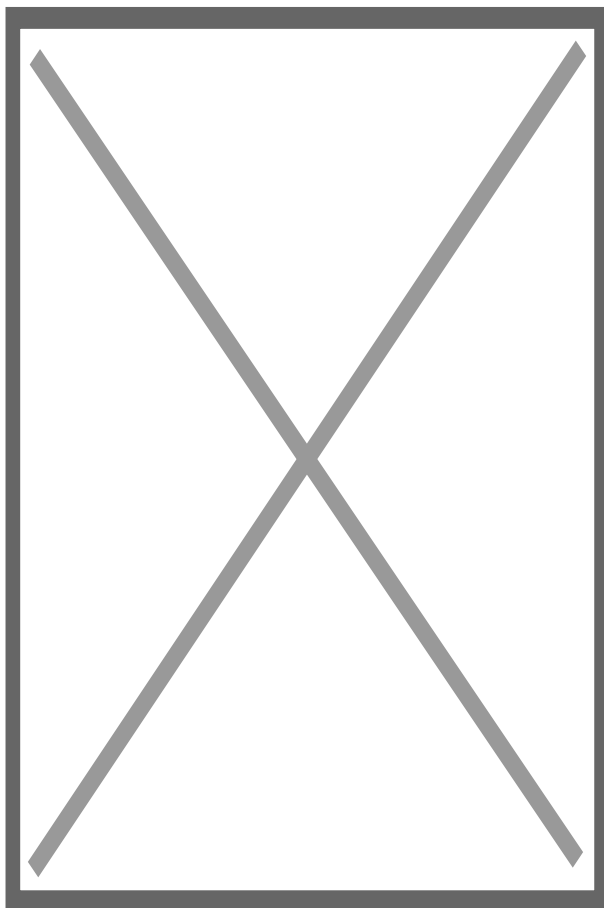
- Hỷ , Đại Hỷ: Tự mình vui mừng thay cho kẻ khác khi họ làm được điều thiện, thành công, hạnh phúc - Tiếng Sấm - Pháp Lôi, Người Việt có câu ca dao “Lúa chiêm lấp ló đầu bờ/hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên” ở Nghệ An hiện còn dân tộcƠ Đu có lễ hội mừng tiếng sấm, người Thái cũng mừng tiếng sấm đầu năm.

- Xả, Đại Xả: Sự xả ly khỏi các bám chấp; mọi sự trên đời như giấc mộng, như tia chớp lóe lên rồi vụt tắt, có hình đấy mà không có thực chất không thể nắm giữ, mà không nắm giữ thì Phải xả ly, buông bỏ mọi bám chấp - Tia sét - Pháp Điện.

4. Tượng Phật tứ Pháp

Tượng Tứ Pháp cũng là nét nổi bật nhất khi nhìn vào các chùa hệ thống này.

Tuy bị gán cho là các thần dân gian nhưng tượng Tứ Pháp thì toát lên một vẻ Phật giáo không bị pha nhiễm sau gần 2000 năm, các tượng hiện hành cũng được tạc lại vào thế kỷ XVIII theo Mẫu cũ.



Thế kỷ XVIII, khi tín ngưỡng Mẫu đã phát triển rộng nhưng các "Bà" ở Dâu vẫn không bị ảnh hưởng bởi kiểu tạc tượng các bà chúa, bà hậu thời đó, nó vẫn đậm chất Phật giáo và Ấn Độ.

Tượng này không tạc bầu ngực như người ta vẫn gán cho là tín ngưỡng thờ Mẫu, đây là tượng dạng nam giới nhưng tên lại gọi các bà.

Theo dân gian thì đó chỉ sự âm dương giao hòa sinh ra tốt đẹp theo Phật giáo đó là sự kết hợp của Từ Bi Trí Tuệ, khi mà Mật tông nói riêng và Phật giáo nói chung hay dùng biểu tượng:

- Nam giới cho từ bi, phương tiện.
- Nữ giới cho Trí Tuệ

Sự kết hợp hài hòa này cũng là bộ đôi Nhị Tư Lương Công Đức - Trí Tuệ trong Phật giáo.

Trên đây chỉ là ý kiến hạn hẹp của tác giả kính ngưỡng Phật thánh chúng hộ pháp thiện thần, bậc cao học thiện tri thức thù từ đại xá lỗi lầm nếu có.

Thay cho lời kết

Tôi xin trích một chuyện trong tập 84 đại thành tựu giả Ấn Độ quê hương của Khâu Đà La đại sư, tập truyện Phật giáo rõ ràng vì dòng này có các đại sư kế thừa liên tục được ghi chép thành truyền thừa phổ hệ viết về cuộc đời giác ngộ của chư tổ đạo sư chứ không có sự gom nhặt dân gian, câu chuyện không hề dễ hiểu nhưng sẽ cho ta cái nhìn về các câu chuyện Mật tông lạ lùng nhưng uyên áo, tuy có vẻ đối nghịch mà vẫn ở trong đạo Phật.

Đại sư thứ 4: Dombipa - Người cưới cạp Viên đá của nhà triết học

Biến sắt trở thành vàng

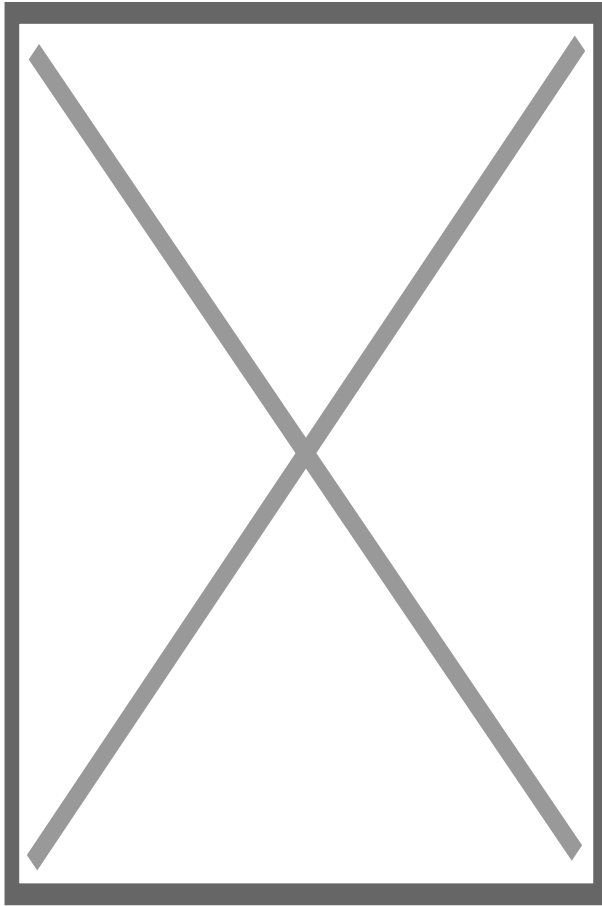
Năng lực tự nhiên của viên đá quý

Biến đam mê trở thành thức thanh tịnh Truyền thuyết

Dombipa vốn là quốc vương xứ Ma Kiệt Đà (Magadha). Ngài được Đạo sư Viupa khai ngộ và truyền tâm ấn.

Vị quốc vương ngộ đạo này thương yêu thần dân của ngài như con đỏ. Tuy nhiên dân chúng vẫn không biết ngài là môn đồ của Mật tông, mà chỉ biết ngài là vị vua hết lòng thương yêu và chăm lo đời sống nhân dân.

Để đất nước có một cuộc sống an lạc, ngài cho vời viên đại thần đến và dạy rằng: *“Vì nghiệp quả đời trước nên đất nước ta thường xảy ra dịch bệnh và nạn đạo tặc. Nay để tránh tai họa cho muôn dân, người mau đúc một cái chuông đồng lớn treo lên một cây đại thụ. Mỗi khi thấy có hiện tượng nguy biến thì đánh chuông ấy lên, tức nhiên tai họa tiêu trừ.”*



Viên đại thần y lệnh. Kể từ đó trong nước bớt nạn trộm, cướp và dịch bệnh. Cho đến một ngày nọ, có một đoàn hát rong từ phương xa đến để trình diễn cho nhà vua xem. Trong đám người thấp hèn ấy có một thiếu nữ 12 tuổi, xinh đẹp điểm lẹ, ai thoạt nhìn cũng không khỏi đem lòng yêu thương. Nhà vua bèn tỏ ý nhận nàng về làm bầu bạn. Ngài bí mật ra lệnh cho bọn họ dâng nàng cho ngài.

Một người trong bọn tâu rằng: *“Đại vương! Ngài là bậc cao quý, chúng tôi chỉ là kẻ tôi tớ hạ tiện mà mọi người khinh khi xa lánh. Có sao đại vương lại nghĩ đến một việc kết hợp không tương xứng như thế?”*

Nhưng nhà vua cứ khăng khăng làm theo ý mình và ban thưởng vàng bạc cho đoàn hát rong.

Sau đó, vua bí mật giấu nàng trong hậu cung suốt 12 năm. Sau đó mọi người mới phát hiện ra sự có mặt của nàng.

Tiếng đồn loan đi khắp nơi. Người ta nói với nhau rằng: *“Nhà vua đã chung sống với một phụ nữ thuộc tầng lớp hạ tiện. Điều này thật khó dung thứ.”*

Trước áp lực của thần dân và triều đình, nhà vua buộc phải thoái vị và giao quyền bính lại cho thái tử.

Sau đó, nhà vua rời hoàng cung và cùng nàng phi ấy đi vào rừng để sống. Tại nơi hoang dã, cả hai cùng nhau tu luyện môn Du Già mật pháp (Tantric Yoga) trong 12 năm.

Một dạo sau đấy, kể từ khi vua thoái vị, đất nước lâm vào cảnh rối ren. Triều thần họp lại và quyết định thỉnh cầu cựu vương quay về chấp chính.

Các sứ giả của triều đình đi vào rừng sâu để tìm ngài và khi gần đến nơi, họ nhìn thấy cựu vương đang ngồi thiền định dưới một gốc cây đại thụ, còn vị phi của ngài đang bước trên những cánh sen để lấy nước sương mai về cúng dường chủ nhân của bà.

Họ ngạc nhiên quay về tâu với triều đình.

Sau khi nghe các sứ giả thuật lại sự việc mà họ đã chứng kiến, quần thần cùng nhân dân trong xứ liền kéo nhau đi đón cựu vương.

Nhận lời thỉnh cầu của dân chúng, nhà vua cùng người thiếp cưới trên mình một con bạch hổ, tay roi là một con bạch xà, rời khỏi khu rừng rậm. Tất cả mọi người nhìn thấy cảnh ấy đều không khỏi khiếp sợ.

Chào hỏi mọi người xong, nhà vua phán: *“Ta đã phải mất đi địa vị cao quý chỉ vì sự kết hợp với người phụ nữ ở tầng lớp hạ tiện. Nay các người yêu cầu ta trở lại ngai vàng là một điều không thích hợp. Chỉ có cái chết mới mong xoá bỏ được những thành kiến về giai cấp. Vậy các người hãy hoả thiêu chúng ta.”*

Theo tập tục Ấn Độ, để xoá bỏ những dấu vết tội lỗi hoặc để chứng minh sự vô tội của mình, người ta đưa nạn nhân lên giàn hoả và đốt trong bảy ngày, nếu người ấy còn sống thì sẽ được thừa nhận là vô tội.

Lễ hoả thiêu nhà vua cùng người thiếp diễn ra trong suốt bảy ngày đêm.

Đến khi lửa tàn, mọi người đến gần quan sát. Họ thấy quanh thân thể của hai người dường như có một màn sương mỏng manh, y phục trên người của họ vẫn y nguyên không một vết cháy xém. Mọi nghi ngờ về nhà vua đều tan biến trong lòng mọi người.

Khi ấy, nhà vua trỗi dậy, bước ra khỏi đồng tro tàn và gọi mọi người lại bảo: *“Hỡi dân chúng mến yêu của ta. Nếu các người noi được gương tu tập của ta, thì ta sẽ ở lại trị vì các người. Nếu như các người không thể tự tu tập để tự cứu lấy bản thân mình, thì sự có mặt của ta phỏng có ích gì? Quyền lực chỉ là một chút ít lợi lộc nhỏ nhoi. Công đức tu hành mới là to lớn. Vả lại, vương quốc của ta không phải là vương quốc của quyền lực, mà là vương quốc của chân lý.”*

Nói xong, vua liền từ biệt.

Hành trì

Ở Ấn Độ, người ta tin rằng tiếng chuông có khả năng xua đuổi tà ma và làm thanh tịnh tâm trí. Chiếc chuông mà Dombipa cho dựng lên có nhiều công năng như để cảnh giác nạn đạo tặc, báo động mối nguy về thiên tai, dịch họa, hoặc xua đuổi các quỷ thần, tà ma, uế trước khi có dịch bệnh, làm thanh tịnh tâm trí và tăng trưởng thiện nghiệp.

Tiếng chuông ngân là biểu tượng của sự tỉnh giác, và khi nghe tiếng chuông ngân, tâm thức có thể dứt hết các niệm trần để thâm nhập vào cảnh giới tịch tịnh tức không tính (Emptiness).

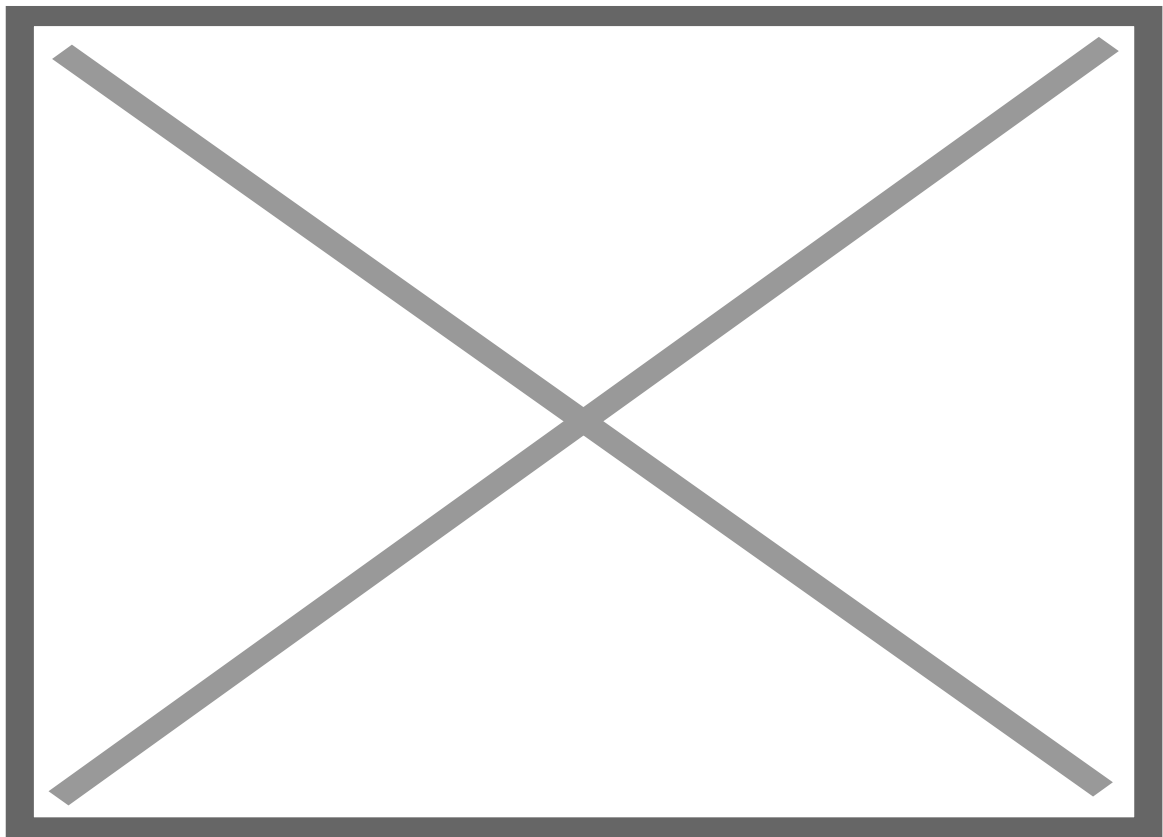
Ngoài ra, cuộc hôn nhân không cùng đẳng cấp là một điều cấm kỵ của xã hội thời bấy giờ, kẻ vi phạm sẽ bị mọi người khai trừ khỏi giai cấp và có khi bị trừng phạt nặng nề.

Trong Phật giáo và đặc biệt đối với Mật tông, khuynh hướng chống lại giai cấp không phải là sự đối kháng gay gắt nhằm lật đổ giai cấp hay cải tạo xã hội như các học thuyết khác. Vua bỏ ngôi, quan từ chức để đi tu chính là hành động từ bỏ giai cấp của mình - một cách chống đối quan điểm giai cấp.

Nhưng đối với quần chúng thời ấy, sự chống đối này không bị ghép tội vì đây là sự miễn trừ đối với thần thánh. Hơn nữa, đối với người tu hành, muốn đạt tới Phật tính thì điều căn bản là cần phải diệt hết các kiến chấp về giai cấp.

Chính vì vậy mà các hành giả Du Già thường chọn người bạn đời, kẻ đạo hữu của mình từ giai tầng thấp hơn trong xã hội, để trưởng dưỡng tâm vô phân biệt (awareness of non-discrimination).

Với các phương thức tu tập đặc biệt của Du Già, hành giả có thể biến dục tướng thành trí huệ.



Đối với một hành giả Du Già thì người vợ tinh thần (mystic consort) hay đạo hữu ấy là sắc tướng của nghiệp ấn (karma mudra) để ấn chứng các giai đoạn tu tập ba nghiệp (thân, khẩu, ý). Người vợ tinh thần của Dombipa chính là hoá thân của Kim Cương Bồ tát. Pháp tu của họ là kết hợp giữa dục lạc (pleasure) và không tính (emptiness). Phương pháp này dùng để kích động luồng hoả hâu (kundakini) ở trung tâm tình dục (sexual chakra) khiến nó làm lưu thông các luân xa (yếu huyết) trong cơ thể.

Sử liệu:

Theo tài liệu của Taranatha thì Dombipa vốn là vua xứ Tripura, quê hương của đạo sư Virupa, vị thầy tế độ của Dombi.

Tương truyền rằng sau khi hoàn thành nhiệm vụ giáo hoá thần dân trong nước, Dombipa cùng vợ ngài vân du khắp nơi dùng thần thông để lợi lạc quần sinh, nhiếp phục ngoại đạo và khai ngộ cho những kẻ có cơ duyên.

Có lần ngài cười cợt bay ngang qua thành Radha để nhiếp phục vị quốc vương xứ này. Và tại Karnataka, miền Nam Ấn Độ, Dombipa đã truyền giáo pháp cho năm trăm môn đồ.

Dombipa còn được biết dưới một danh hiệu khác là Dombi Heruka. Dombipa nghĩa là chúa của Dombi. Và Dombi là tên của vợ ngài. Heruka là tiếng ghép giữa Samvara và Hevajra, đó cũng là pháp hiệu của một đạo sư (Siddha). Vì thế,

Dombi là Hevajra. Dombi Heruka tạo lên nhiều bộ luận có liên quan đến Tantra Mẹ. Tác phẩm tiêu biểu nhất là Ekavira -Saddha.

Ngài sống vào cuối thế kỷ VIII đến đầu thế kỷ IX.

Tiếp theo Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 162 Tác giả: **VichKy Le Tạp chí Nghiên cứu Phật học số tháng 7/2020**